

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

- Bản án số: 22/2021/DS - ST
- Ngày: 01- 6 - 2021
- V/v: " *Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản* "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Văn Hợp**

2. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Thị Thúy Kiều** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXX- ST, ngày 05 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST- DS ngày 21 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Đức Ho**, sinh năm 1972.

Bà **Nguyễn Thúy H**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: số 124 ấp An B, xã Minh H, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim S**, sinh năm 1987

Địa chỉ: khu phố , thị trấn Thứ B, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Theo văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 10 năm 2020

(Chị S có mặt tại phiên tòa)

* *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1979.

Bà **Thị Th**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: tổ 2, ấp An B, xã Minh H, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Bà Th, ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh **Nguyễn Quốc N**, sinh năm 2003.

Địa chỉ: ấp An B, xã Minh H, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thúy H trình bày*: Nguyên vào năm 2018 âm lịch vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Thị T có đến nhà ông H, bà H để hỏi mượn lần lượt số tiền như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 08/01/2018 (âm lịch) nhằm ngày 23/02/2018 (dương lịch), vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Thị Th có đến nhà ông Hoàn, bà Hà hỏi vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và có hứa thời gian 06 (sáu) tháng sẽ hoàn trả cho ông H, bà H tiền vốn gốc cùng tiền lãi theo thỏa thuận;

- Lần thứ hai: Vào ngày 20/01/2018 (âm lịch), nhằm ngày 07/3/2018 (dương lịch) vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Thị Th tiếp tục đến nhà ông H, bà H hỏi vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và hứa thời gian 12 tháng sẽ hoàn trả cho ông H, bà H tiền vốn gốc cùng tiền lãi theo thỏa thuận.

- Lần thứ ba: Vào ngày 19/3/2018 (âm lịch), nhằm ngày 04/5/2018 (dương lịch) vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Thị T có điện thoại cho ông H, bà H và tiếp tục hỏi mượn số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) và hứa thời gian 06 tháng sẽ hoàn trả cho ông Hoàn, bà H tiền vốn gốc cùng tiền lãi suất theo thỏa thuận và ông T, bà Th đã kêu con là Nguyễn Quốc N qua nhà ông Ho, bà H lấy số tiền 4.000.000 (bốn triệu đồng).

- Lần thứ tư: Vào ngày 26/3/2018 (âm lịch) vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Thị Th tiếp tục đến nhà ông Hoàn, bà H hỏi mượn số tiền 26.000.000 đồng (hai

mười sáu triệu đồng) và hứa thời gian 06 tháng sẽ hoàn trả cho ông Ho, bà H tiền vốn gốc cùng tiền lãi suất theo thỏa thuận.

- Lần thứ năm: Ngày 01/01/2019(AL) bà Th, ông T vay góp của chị H, ông Hoà số tiền là 20.000.000đ.

- Lần thứ sáu: Vào ngày 01/01/2020 (dương lịch) vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Thị Th tiếp tục đến nhà ông Hoà, bà H hỏi **mượn** số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và hứa thời gian 06 tháng sẽ hoàn trả cho ông Hoà, bà H tiền vốn gốc cùng tiền lãi suất theo thỏa thuận.

Tổng cộng số tiền mà vợ chồng ông T, bà Th **mượn** của ông Hoà, bà H là 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng).

Đến ngày 01/02/2020 ông T và bà Th có viết tờ cam kết và hẹn ngày trả nợ cho ông H, bà H cụ thể như sau:

+ Đợt 1: từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/3/2020, trả 50.000.000đ;

+ Đợt 2: Từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/6/2020, trả 50.000.000đ;

+ Đợt 3: Từ ngày 01/7/2020 đến ngày 30/9/2020, trả 50.000.000đ;

+ Đợt 4: Từ ngày 01/10/2020 đến ngày 30/12/2020, trả 50.000.000đ, nhưng đến nay vẫn không thực hiện, ông H, bà H có nhiều lần qua nhà bà Th, ông Tú để yêu cầu ông bà trả cho ông H, bà H số tiền còn nợ nhưng lần nào ông Tú, bà Thu cũng hẹn mà không trả. Do vậy ông H, bà H có làm đơn yêu cầu ban lãnh đạo ấp An Bình và UBND xã Minh H giải quyết thì bà Th có thừa nhận còn nợ ông Hoàn, bà H số tiền 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng) nhưng nói là chưa có khả năng trả làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của ông H, bà H.

Trong quá trình vay tiền thì trước thời điểm ngày 26/3/2018 thì bà Th không có trả lãi, đến sau ngày 26/3/2018 thì bà Th bắt đầu đóng lãi hàng tháng, mỗi tháng trả lãi được 3.600.000 đồng, bà Th đóng lãi được 08 tháng liên tục (đến ngày 26/11/2018 thì là không đóng lãi nữa), số tiền này là lấy tiền lãi của số tiền gốc 200.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng tiền gốc thì không lấy tiền lãi.

Nay ông Hoà, bà H yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Thị T phải trả cho ông Hoà, bà H số tiền vay gốc là

220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng) và tính lãi đối với số tiền gốc theo quy định pháp luật kể từ ngày 01/02/2020 đến ngày xét xử.

Ông H, bà H xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 55.900.000đ theo đơn khởi kiện.

** Tại bản tự khai ngày 30/12/2020, bị đơn ông Nguyễn Quốc T, bà Thị Th trình bày:* Trước đây vợ chồng bà Th có vay của ông Nguyễn Đức Ho và bà Nguyễn Thúy H số tiền 20.000.000 đồng, bà Th góp hàng ngày cho ông Ho, bà H, khi góp được 6.000.000 đồng thì bà T không góp nữa nên vợ chồng bà Thu có ý kiến xin cho chuyển qua tiền vay tháng và bà Th đóng lãi cho ông Hoàn, bà Hà.

Đến ngày 08/01/2018 (âm lịch) , nhằm ngày 23/02/2018 (dương lịch) vợ chồng bà Th có vay thêm của ông Ho, bà H số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 4%/ tháng.

Ngày 20/01/2018 (âm lịch), nhằm ngày 07/3/2018 (dương lịch) vợ chồng bà Thu tiếp tục vay thêm của ông H, bà H số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 4%/ tháng.

Ngày 19/3/2018 (âm lịch), nhằm ngày 04/5/2018 (dương lịch) vợ chồng bà T có vay thêm của ông Ho, bà H số tiền là 4.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 4%/ tháng;

Ngày 26/3/20218 bà Th vay thêm là 26.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng;

Vào tháng 6 năm 2019 (âm lịch) vợ chồng bà có vay của vợ chồng ông H, bà H số tiền là 20.000.000đ lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng, thời gian 06 tháng sẽ hoàn trả.

Vợ chồng bà Th đóng lãi đến 25/12/2019 (âm lịch), nhằm ngày 19/01/2020 (dương lịch) thì vợ chồng bà Th không đóng lãi nữa nên vợ chồng ông Hoàn, bà Hà thấy vợ chồng bà Thu khó khăn nên đến ngày 01/02/2020 (dương lịch) thì ông Hoàn, bà H có làm giấy thỏa thuận cùng xác nhận với vợ chồng bà Thu còn thiếu tiền của ông Hoàn, bà H số tiền gốc là 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng). Lý do hai bên chốt nợ số tiền gốc là 220.000.000 đồng vì đối với số tiền

14.000.000 đồng, do vợ chồng bà Th không đóng lãi nên vợ chồng bà Thu và vợ chồng ông Ho, bà H thống nhất tính lãi 6.000.000 đồng cộng vào thành 20.000.000 đồng tiền gốc.

Bà Th xác định trước thời điểm ngày 01/02/2020 (dương lịch) thì vợ chồng bà đều đã trả lãi xong, sau ngày 01/02/2020 (dương lịch) đến nay thì vợ chồng bà không trả lãi nữa, nhưng khi trả lãi thì tôi không có giữ giấy tờ tài liệu gì nhưng bà Thu xác nhận bà không yêu cầu Tòa án xem xét đối với số tiền lãi đã đóng.

Hiện tại vợ chồng bà Th thừa nhận còn nợ vợ chồng ông Ho, bà H số tiền vay gốc tổng cộng là 220.000.000 đồng và vợ chồng bà Thu hiện do làm ăn khó khăn nên chưa có tiền trả cho ông Ho, bà H được và xin trả dần.

** Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 55.900.000 đồng tiền lãi do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyên rút lại yêu cầu này. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thúy H buộc bị đơn ông Nguyễn Quốc T, bà Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho bà H, ông H số tiền vay gốc là 220.000.000đ và tiền lãi từ ngày vay kể từ ngày 01/02/2020 đến ngày xét xử là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468, khoản 02 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Đức Hoà và bà Nguyễn Thúy H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Quốc T và bà Thị Th trả cho ông Hoàn, bà Hà số tiền vay do đó đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”, đồng thời bị đơn ông T và bà Th có nơi cư trú tại ấp An Bình, xã Minh , huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Quốc T và bà Thị Th, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ho và bà H là chị Nguyễn Thị Kim So xác định vợ chồng ông H và bà H tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 55.900.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc rút yêu cầu đối với số tiền lãi 55.900.000 đồng là vợ chồng ông T, bà Th tự nguyện rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Vợ chồng ông Ho và bà H chỉ yêu cầu vợ chồng ông Tú, bà Thu phải trả cho vợ chồng ông Hoàn, bà Hà số tiền vay gốc là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 01/02/2020 đến ngày xét xử. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Th, ông T thừa nhận vợ chồng bà đã nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông H, bà H với số tiền gốc tổng cộng là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng), sau đó đến ngày 01/02/2020 thì vợ chồng bà có làm “*Giấy thỏa thuận để ngày 01/02/2020*” với vợ chồng ông H, bà H nhưng do hoàn cảnh khó khăn chưa có tiền trả cho ông H, bà H nên vợ chồng bà T xin được trả dần, đồng thời trình bày của bà Th phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định vợ chồng bà T, ông T còn nợ vợ chồng ông

Hoàn, bà Hà số tiền gốc là 220.000.000 đồng. Vợ chồng bà Thu xin trả dần số tiền gốc nêu trên nhưng ông Hoàn, bà Hà không đồng ý, như vậy việc chồng bà Thu xin trả dần số tiền trên là kéo dài thời gian trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông H, bà H Do đó, việc ông H và bà H khởi kiện yêu cầu bà Th, ông T phải có nghĩa vụ trả dứt số tiền vay gốc 220.000.000 đồng trong một lần là có cơ sở và phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi: Mặc dù đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày tại phiên tòa rằng lãi suất thỏa thuận khi ông H, bà H cho ông T, bà Th là 2%/tháng nhưng trên các biên nhận nợ thì không thể hiện rõ lãi suất, đối với bà Thu và ông Tú trong quá trình giải quyết vụ án thì xác định hai bên thỏa thuận lãi suất là 4%. Do đó Hội đồng xét xử xác định các bên có thỏa thuận về việc trả tiền lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên xác định lãi suất như sau: $220.000.000đ \times 10\%/năm \times 16 \text{ tháng (kể từ ngày 01/02/2020 đến ngày xét xử: ngày 01/6/2021)} = 29.333.333 \text{ đồng}$, tổng cộng gốc lãi là 249.333.333 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông Nguyễn Quốc Tú và bà Thị Th phải chịu án phí với số tiền là $249.333.333\text{đồng} \times 5\% = 12.466.666,65\text{đồng}$. Nguyên đơn ông Nguyễn Đức Ho và bà Nguyễn Thúy H không phải chịu án phí, ông H và bà H được nhận lại 6.875.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006663 ngày 15/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 243, khoản 2 Điều 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức Ho và bà Nguyễn Thúy H

Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Quốc T và bà Thị Th cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán trả cho ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thúy H số tiền vay gốc là 220.000.000 đồng và tiền lãi (lãi từ ngày 01/02/2020 đến ngày 01/6/2021) là 29.333.333 đồng, tổng cộng gốc lãi là 249.333.333đ (Hai trăm bốn mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Địa điểm giao nhận tiền trả nợ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không trả cho nguyên đơn dứt điểm số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Quốc T và bà Thị T phải chịu án phí với số tiền là 12.466.666,65đồng(mười hai triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu phẩy sáu mươi lăm đồng). Nguyên đơn ông Nguyễn Đức Ho và bà Nguyễn Thúy H không phải chịu án phí, ông Ho và bà H

được nhận lại 6.875.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006663 ngày 15/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa

Danh Pì Sách

